

Số: 03/2019/QĐST- DS

Lạng Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 611; 612; 613; 614; 623; 649; 650; 651; 652; 660 của Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ vào Điều 12; khoản Điều 24; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 76/2018/TLST- DS ngày 25 tháng 7 năm 2018

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự**

**\*Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1967

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn SC, xã TH, huyện LG, tỉnh BG

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Giáp Thị H - thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang

**\*Bị đơn:** ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn SC, xã TH, huyện LG, tỉnh BG

**\*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1957

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1963

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969

4. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1989

Đều trú tại: Thôn SC, xã TH, huyện LG, tỉnh BG

5. Ông Lương Văn L, sinh năm: 1955

6. Anh Lương Văn Ph, sinh năm: 1975

7. Anh Lương Văn H, sinh năm: 1980

8. Anh Lương Văn Đ, sinh năm: 1981

Đều trú tại: Thôn C, xã HS, huyện LG, tỉnh BG

9. Chị Lương Thị H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn M, xã NghH, huyện LN, tỉnh BG

10. Ông Thân Văn B, sinh năm: 1961

11. Chị Thân Thị H, sinh năm: 1982

12. Anh Thân Văn T, sinh năm: 1985

13. Anh Thân Văn D, sinh năm: 1988

Đều trú tại: Thôn H8, xã HS, huyện LG, BG

Ông Nguyễn Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của bà X, bà L, anh Ph, ông L, anh Ph, anh H, anh Đ, chị H, ông B, chị H, anh T, anh D.

14. Bà Dương Thị H, sinh năm: 1938; Địa chỉ: Thôn SC, xã TH, huyện LG, tỉnh BG

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Các đương sự thống nhất phân chia di sản của ông Nguyễn Văn V, bà Đào Thị X là quyền sử dụng đất tại thửa số 749, tờ bản đồ số 27 diện tích 647,3 m<sup>2</sup> (trong đó: đất ở 300 m<sup>2</sup>; đất vườn 347,3 m<sup>2</sup>) ở thôn SC, xã TH, huyện LG, tỉnh BG đã được UBND huyện LG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C561992 ngày 20/8/1993 mang tên ông Nguyễn Văn V như sau:

1. Giao cho ông Nguyễn Văn Th được hưởng thừa kế phần diện tích đất là 455,7 m<sup>2</sup> (trong đó: 200 m<sup>2</sup> đất ở; 255,7 m<sup>2</sup> đất vườn). Phần đất của ông Th có các cạnh: Phía Bắc giáp với đất nhà bà Dương Thị H; phía Đông giáp đường thôn; phía Nam giáp đất nhà bà Hoàng Thị N; phía Tây giáp với một phần đất nhà ông Hoàng Văn Th và phần đất giao cho bà Nguyễn Thị S (có sơ đồ đo vẽ kèm theo). Trị giá đất là 50.739.400 đồng.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị S được hưởng thừa kế diện tích đất là 191,6 m<sup>2</sup> (trong đó: 100 m<sup>2</sup> đất ở; 91,6 m<sup>2</sup> đất vườn). Phần đất của bà S có các cạnh: Phía Bắc giáp với đất nhà bà Dương Thị H; ông Ngô Đức Th; phía Đông giáp đất giao cho ông Nguyễn Văn Th; phía Nam và phía Tây giáp đất nhà ông Hoàng Văn Th (có sơ đồ đo vẽ kèm theo). Trị giá đất là 23.847.200 đồng.

Các tài sản ông Th, bà S đã xây dựng trên phần đất được giao thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Th, bà S, các bên không yêu cầu gì khác.

\* Về chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị S chịu cả số tiền 9.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ.

\* Về án phí:

Bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị V thuộc diện hộ nghèo được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị S nhận chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho phần tài sản mà ông Th và các thừa kế khác được hưởng đã giao cho ông Th, tiền án phí bà S phải chịu là 1.268.000 đồng.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS Lạng Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hằng**